

TRƯỜNG ĐẠI HỌC VĂN LANG
KHOA LUẬT

ĐỀ THI, ĐÁP ÁN/RUBRIC VÀ THANG ĐIỂM
THI KẾT THÚC HỌC PHẦN
Học kỳ 2, năm học 2023-2024

I. Thông tin chung

Tên học phần:	Pháp luật về thương mại hàng hóa và dịch vụ		
Mã học phần:	71LAWS40572	Số tín chỉ:	2
Mã nhóm lớp học phần:	232_71LAWS40572_01, 232_71LAWS40572_02, 232_71LAWS40572_03, 232_71LAWS40572_04		
Hình thức thi: Tự luận	Thời gian làm bài:	60	phút
<i>Thí sinh được tham khảo tài liệu: Chỉ được sử dụng tài liệu giấy in</i>	<input checked="" type="checkbox"/> Có	<input type="checkbox"/> Không	

1. Format đề thi

- Font: Times New Roman

- Size: 13

- Quy ước đặt tên file đề thi:

+ Mã học phần_Tên học phần_Mã nhóm học phần_TUL_De 1

+ Mã học phần_Tên học phần_Mã nhóm học phần_TUL_De 1_Mã đề (*Nếu sử dụng nhiều mã đề cho 1 lần thi*).

2. Giao nhận đề thi

Sau khi kiểm duyệt đề thi, đáp án/rubric. **Trưởng Khoa/Bộ môn** gửi đề thi, đáp án/rubric về Trung tâm Khảo thí qua email: khaothivanlang@gmail.com bao gồm file word và file pdf (*nén lại và đặt mật khẩu file nén*) và nhắn tin + họ tên người gửi qua số điện thoại **0918.01.03.09** (Phan Nhất Linh).

II. Các yêu cầu của đề thi nhằm đáp ứng CLO

(Phần này phải phối hợp với thông tin từ đề cương chi tiết của học phần)

Ký hiệu CLO	Nội dung CLO	Hình thức đánh giá	Trọng số CLO trong thành phần đánh giá (%)	Câu hỏi thi số	Điểm số tối đa	Lấy dữ liệu đo lường mức đạt PLO/PI
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
CLO1	Đề xuất những giải pháp phù hợp nhằm giải quyết các vấn đề pháp lý trong lĩnh vực pháp luật thương mại.	Tự luận	100%	1-8	10	PI 3.2, A
CLO2	Áp dụng hiệu quả kỹ năng tư duy phân biện, logic, sáng tạo để giải quyết các tình huống kinh doanh thương mại trong thực tế.	Tự luận	60%	1-4	6	PI 5.2
CLO3	Lựa chọn đúng các văn bản pháp luật và quy phạm pháp luật trong lĩnh vực pháp luật thương mại để áp dụng trong các tình huống pháp lý kinh doanh thương mại.	Tự luận	40%	5-8	4	PI 6.2

Chú thích các cột:

(1) Chỉ liệt kê các CLO được đánh giá bởi đề thi kết thúc học phần (tương ứng như đã mô tả trong đề cương chi tiết học phần). Lưu ý không đưa vào bảng này các CLO không dùng bài thi kết thúc học phần để đánh giá (có một số CLO được bố trí đánh giá bằng bài kiểm tra giữa kỳ, đánh giá qua dự án, đồ án trong quá trình học hay các hình thức đánh giá quá trình khác chứ không bố trí đánh giá bằng bài thi kết thúc học phần). Trường hợp một số CLO vừa

được bố trí đánh giá quá trình hay giữa kỳ vừa được bố trí đánh giá kết thúc học phần thì vẫn đưa vào cột (1)

(2) Nêu nội dung của CLO tương ứng.

(3) Hình thức kiểm tra đánh giá có thể là: trắc nghiệm, tự luận, dự án, đồ án, vấn đáp, thực hành trên máy tính, thực hành phòng thí nghiệm, báo cáo, thuyết trình, ..., phù hợp với nội dung của CLO và mô tả trong đề cương chi tiết học phần.

(4) Trọng số mức độ quan trọng của từng CLO trong đề thi kết thúc học phần do giảng viên ra đề thi quy định (mang tính tương đối) trên cơ sở mức độ quan trọng của từng CLO. Đây là cơ sở để phân phối tỷ lệ % số điểm tối đa cho các câu hỏi thi dùng để đánh giá các CLO tương ứng, bảo đảm CLO quan trọng hơn thì được đánh giá với điểm số tối đa lớn hơn. Cột (4) dùng để hỗ trợ cho cột (6).

(5) Liệt kê các câu hỏi thi số (câu hỏi số ... hoặc từ câu hỏi số... đến câu hỏi số...) dùng để kiểm tra người học đạt các CLO tương ứng.

(6) Ghi điểm số tối đa cho mỗi câu hỏi hoặc phần thi.

(7) Trong trường hợp đây là học phần cốt lõi - sử dụng kết quả đánh giá CLO của hàng tương ứng trong bảng để đo lường đánh giá mức độ người học đạt được PLO/PI - cần liệt kê ký hiệu PLO/PI có liên quan vào hàng tương ứng. Trong đề cương chi tiết học phần cũng cần mô tả rõ CLO tương ứng của học phần này sẽ được sử dụng làm dữ liệu để đo lường đánh giá các PLO/PI. Trường hợp học phần không có CLO nào phục vụ việc đo lường đánh giá mức đạt PLO/PI thì để trống cột này.

III. Nội dung câu hỏi thi

Phần 1 (Câu hỏi 1 – Câu hỏi 4): Nhận định sau là đúng hay sai? Giải thích tại sao và nêu cơ sở pháp lý.

Câu hỏi 1: (1.5 điểm) Chế tài tạm ngưng thực hiện hợp đồng chỉ áp dụng đối với hành vi vi phạm cơ bản.

Câu hỏi 2: (1.5 điểm) Trong trường hợp các bên có thỏa thuận về việc sử dụng chứng thư giám định của một thương nhân kinh doanh dịch vụ giám định cụ thể thì chứng thư giám định đó có giá trị pháp lý đối với tất cả các bên trong mọi trường hợp.

Câu hỏi 3: (1.5 điểm) Bất động sản không phải là hàng hóa theo Luật Thương mại.

Câu hỏi 4: (1.5 điểm) Trong mọi trường hợp, bên bán luôn có nghĩa vụ đảm bảo cho bên mua tiến hành kiểm tra hàng hóa trước khi giao hàng.

Phần 2 (Câu hỏi 5 – Câu hỏi 8): Bài tập

Ngày 01/01/2024, Công ty TNHH A (Việt Nam) ký hợp đồng đại lý độc quyền với DNTN B (Việt Nam), theo đó, B làm đại lý độc quyền bán các sản phẩm chăm sóc tóc do công ty A sản xuất trong phạm vi Tp. Hồ Chí Minh, thời hạn là 5 năm. B được hưởng chiết khấu 10% trên giá bán hàng hóa ghi trên bao bì (100.000 đồng/01 sản phẩm).

Ngày 01/07/2024, Công ty A ký thêm hợp đồng đại lý với Công ty cổ phần C để C bán các sản phẩm chăm sóc tóc của A trong Tp. Hồ Chí Minh. Việc Công ty C cùng bán sản phẩm khiến cho doanh thu của B bị sụt giảm nghiêm trọng. Do đó, B cho rằng A đã vi phạm nghĩa vụ hợp đồng đã giao kết.

Hỏi: (Giải thích và nêu rõ cơ sở pháp lý)

Câu hỏi 5: (1 điểm) Luật Thương mại có điều chỉnh đối với hợp đồng giữa A và B không? Vì sao?

Câu hỏi 6: (1 điểm) A có vi phạm nghĩa vụ hợp đồng đã giao kết với B không? Vì sao?

Câu hỏi 7: (1 điểm) Quyền sở hữu đối với số sản phẩm chăm sóc tóc giao cho B bán thuộc về bên nào? Khách hàng có quyền sở hữu đối với hàng hóa khi đã mua từ đại lý B hay không? Vì sao?

Câu hỏi 8: (1 điểm) Hình thức thù lao đại lý mà B được nhận là hình thức gì? Vì sao?

ĐÁP ÁP VÀ THANG ĐIỂM

Phần câu hỏi	Nội dung đáp án	Thang điểm	Ghi chú
I. Tự luận			
Câu 1	Chế tài tạm ngưng thực hiện hợp đồng chỉ áp dụng đối với vi phạm cơ bản.	1.5	
Nội dung a.	Nhận định: SAI CSPL: Khoản 1 Điều 308 LTM 2005	0.5	
Nội dung b.	Ngoài điều kiện áp dụng là có vi phạm cơ bản nghĩa vụ hợp đồng, chế tài này còn được áp dụng trong trường hợp xảy ra hành vi vi phạm mà các bên đã thỏa thuận là điều kiện để tạm ngưng hợp đồng (Vi phạm không cơ bản).	1.0	
Câu 2	Trong trường hợp các bên có thỏa thuận về việc sử dụng chứng thư giám định của một thương nhân kinh doanh dịch vụ giám định cụ thể thì chứng thư giám định đó có giá trị pháp lý đối với tất cả các bên trong mọi trường hợp.	1.5	
Nội dung a.	Nhận định: SAI CSPL: Khoản 1 Điều 262 LTM 2005	0.5	
Nội dung b.	Nếu các bên chứng minh được kết quả giám định không khách quan, không trung thực hoặc sai về kỹ thuật, nghiệp vụ giám định thì chứng thư giám định đó cũng không có giá trị pháp lý đối với tất cả các bên dù các bên đã có thỏa thuận về việc sử dụng chứng thư giám định của một thương nhân kinh doanh dịch vụ giám định cụ thể.	1.0	
Câu 3	Bất động sản không phải là hàng hóa theo Luật Thương mại.	1.5	
Nội dung a.	Nhận định: SAI	0.5	

	CSPL: Khoản 2 Điều 3 LTM 2005		
Nội dung b.	Hàng hóa bao gồm tất cả động sản và những vật gắn liền với đất đai. Công trình, căn hộ thương mại, ... là bất động sản, cụ thể là vật gắn liền với đất đai và cũng là hàng hóa theo quy định của LTM. Do đó, bất động sản thuộc nhóm vật gắn liền với đất đai và cũng chính là hàng hóa.	1.0	
Câu 4	Trong mọi trường hợp, bên bán luôn có nghĩa vụ đảm bảo cho bên mua tiến hành kiểm tra hàng hóa trước khi giao hàng.	1.5	
Nội dung a.	Nhận định: SAI CSPL: Khoản 1 Điều 44 LTM 2005	0.5	
Nội dung b.	Bên bán có nghĩa vụ đảm bảo cho bên mua hoặc đại diện của bên mua tiến hành kiểm tra hàng hoá trước khi giao hàng chỉ trong trường hợp các bên có thoả thuận kiểm tra hàng hóa trước khi giao hàng.	1.0	
Câu 5	Luật Thương mại có điều chỉnh đối với hợp đồng giữa A và B không? Vì sao?	1.0	
Nội dung a.	Theo Khoản 1 Điều 6 LTM, A và B đều là tổ chức kinh tế, tức cả 2 chủ thể đều là thương nhân	0.5	
Nội dung b.	Theo Khoản 1 Điều 1, Khoản 1 Điều 2, Khoản 1 Điều 3 và quy định tại Chương 5 Mục 4 quy định về Đại lý thương mại từ Điều 166 đến Điều 177 LTM, hợp đồng giữa A và B là hợp đồng đại lý thương mại. Cụ thể, quan hệ đại lý bán sản phẩm chăm sóc tóc trên là hoạt động thương mại do A và B là hai thương nhân Việt Nam thực hiện vì mục đích sinh lợi và được thực hiện trên lãnh thổ Việt Nam. Vì vậy, quan hệ trên đương nhiên thuộc phạm vi điều chỉnh của LTM.	0.5	
Câu 6	A có vi phạm nghĩa vụ hợp đồng đã giao kết với B không? Vì sao?	1.0	
Nội dung a.	Theo Khoản 2 Điều 169 LTM 2005, hình thức đại lý độc quyền yêu cầu bên giao đại lý chỉ giao cho một đại lý mua,	0.5	

	bán một hoặc một số mặt hàng nhất định tại một khu vực địa lý nhất định.		
Nội dung b.	Việc A đã giao cho B làm đại lý độc quyền bán sản phẩm của A tại khu vực TP.HCM đồng thời giao cho C bán sản phẩm trong cùng khu vực trong thời hạn hợp đồng giữa A và B còn hiệu lực là vi phạm hợp đồng đại lý độc quyền giữa A và B.	0.5	
Câu 7	Quyền sở hữu đối với số sản phẩm chăm sóc tóc giao cho B bán thuộc về bên nào? Khách hàng có quyền sở hữu đối với hàng hóa khi đã mua từ đại lý B hay không? Vì sao?	1.0	
Nội dung a.	Theo Điều 170 LTM 2005, trong hoạt động đại lý thương mại thì bên giao đại lý (A) là chủ sở hữu đối với số sản phẩm chăm sóc tóc giao cho bên đại lý (B) bán.	0.5	
Nội dung b.	Khi hàng hóa được bán cho khách hàng, quyền sở hữu hàng hóa mới chuyển từ bên giao đại lý cho khách hàng. Như vậy, khi đó khách hàng có quyền sở hữu đối với hàng hóa khi đã mua từ đại lý B.	0.5	
Câu 8	Hình thức thù lao đại lý mà B được nhận là hình thức gì? Vì sao?	1.0	
Nội dung a.	Theo Khoản 2 Điều 171 LTM 2005, bên giao đại lý ấn định giá bán hàng hóa cho khách hàng thì bên đại lý được hưởng hoa hồng tính theo tỷ lệ phần trăm trên giá bán hàng hóa.	0.5	
Nội dung b.	B chỉ được bán theo giá bán hàng hóa ghi trên bao bì 100.000 đồng/01 sản phẩm mà không được quyết định giá bán cho khách hàng; và được hưởng chiết khấu 10% trên giá bán. Do đó, đây là hình thức thù lao hoa hồng: 10.000/01 sản phẩm bán ra.	0.5	
	Điểm tổng	10.0	

TP. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 03 năm 2024

Người duyệt đề

Giảng viên ra đề



Trần Minh Toàn (phó Trưởng BM đã duyệt)

Trần Thiên Trang